

Số: 949/QĐ-SYT

Đồng Nai, ngày 01 tháng 9 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt bổ sung lần 2, danh mục kỹ thuật chuyên môn  
Theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT và Thông tư số 21/2017/TT-BYT đối với  
Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh, năm 2017

### GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;  
Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết  
và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của Sở Y tế  
tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ  
Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở  
khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ  
Y tế Sửa đổi, bổ sung Danh mục kỹ thuật chuyên môn trong khám bệnh, chữa  
bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ  
trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ  
thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét Tờ trình số 971/TTr-BV ngày 25/8/2017 của Bệnh viện Đa khoa khu  
vực Long Khánh về việc xin phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn,  
năm 2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cho phép Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh (địa chỉ: Số 911 Đường 21/4, Ấp Suối Tre, xã Suối Tre, Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai) được bổ sung thêm 190 kỹ thuật chuyên môn đúng tuyến và 11 kỹ thuật chuyên môn vượt tuyến (danh mục kèm theo) theo quy định tại Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế Sửa đổi, bổ sung Danh mục kỹ thuật chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

**Điều 2:** Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, quy trình kỹ thuật chuyên môn của Bộ Y tế ban hành để bảo đảm an toàn sức khỏe cho người bệnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế, Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, NVY.

**GIÁM ĐỐC**



**Huỳnh Minh Hoàn**

Số: 071 /TT-Tr-BV

Long Khánh, ngày 25 tháng 8 năm 2017

### **TỜ TRÌNH**

**Về việc xin phê duyệt bổ sung một số danh mục kỹ thuật  
đang thực hiện tại Bệnh viện năm 2017**

Thực hiện Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Thực hiện Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh,

Để đáp ứng yêu cầu công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện và việc thanh quyết toán với cơ quan Bảo hiểm xã hội.

Bệnh viện ĐKKV Long Khánh kính đề nghị Sở Y tế Đồng Nai thẩm định và phê duyệt bổ sung một số kỹ thuật đang thực hiện tại Bệnh viện năm 2017 (có phụ lục đính kèm).

Kính trình Giám đốc Sở Y tế xem xét và chấp thuận.

**Nơi nhận:**

- Phòng NVY-SYT;
- Lưu VT.



**Lương Thị Bình**



Số: 945 /BB-BV

Long Khánh, ngày 25 tháng 8 năm 2017

BIÊN BẢN

Về việc thông qua Danh mục kỹ thuật Bệnh viện ĐKKV Long Khánh đề nghị phê duyệt bổ sung năm 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 và Thông tư 21/2017/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Thời gian: 13 giờ 30 phút, ngày 25.8.2017

Thành phần:

- Chủ tọa: BS. Phan Văn Huyền
- Thư ký: BS. Vương Bình Tây
- Thành phần khác:

1. BS. Lương Thị Bình
2. BS. Phan Văn Ổ
3. BS. Đoàn Huỳnh Tuấn Tú
4. BS. Đoàn Thị Minh Thủy
5. BS. Thân Hữu Dũng
6. BS. Nguyễn Văn Thạc
7. BS. Phan Văn Phong
8. BS. Nguyễn Văn Khánh
9. BS. Cao Nguyễn Trường Hải
10. BS. Vĩnh Hưng
11. BS. Nguyễn Văn Diễn
12. BS. Ngô Quang Thiện
13. BS. Nguyễn Hữu Phước
14. BS. Lê Thị Thao
15. DS. Lê Thị Diệu Phong
16. DS. Hồ Văn Thúc
17. BS. Mã Ánh
18. DS. Nguyễn Thị Thúy Hằng
19. CN. Huỳnh Thị Kim Phụng
20. DS. Lưu Thị Bích Phương

Giám đốc  
Trưởng phòng KHTH

Chủ tịch Hội đồng  
Ủy viên thường trực Hội đồng

|                              |            |
|------------------------------|------------|
| Phó giám đốc                 | Thành viên |
| Phó giám đốc                 | Thành viên |
| Phó giám đốc                 | Thành viên |
| Trưởng khoa Truyền Nhiễm     | Thành viên |
| Trưởng khoa HSTC, CD         | Thành viên |
| Trưởng khoa Nội              | Thành viên |
| Trưởng khoa Ngoại            | Thành viên |
| Trưởng khoa Liên chuyên khoa | Thành viên |
| Trưởng khoa PT-GMHS          | Thành viên |
| Trưởng khoa Sản              | Thành viên |
| Trưởng khoa Khám bệnh        | Thành viên |
| Trưởng khoa YHCT             | Thành viên |
| Trưởng khoa VL-TL-PHCN       | Thành viên |
| Trưởng khoa Dinh dưỡng       | Thành viên |
| Trưởng khoa Dược             | Thành viên |
| Trưởng khoa Xét nghiệm       | Thành viên |
| Trưởng khoa CDHA             | Thành viên |
| Phó trưởng khoa KSNK         | Thành viên |
| Trưởng phòng Điều dưỡng      | Thành viên |
| Trưởng phòng VT-TBYT         | Thành viên |

Thông nhất thông qua Danh mục kỹ thuật Bệnh viện ĐKKV Long Khánh đề nghị phê duyệt bổ sung năm 2017 (có phụ lục đính kèm).

THƯ KÝ



Phan Văn Huyền



PHAN VĂN HUYỀN



**Phụ lục 1**

**DANH MỤC KỸ THUẬT TUYỂN TRUNG ƯƠNG PHÊ DUYỆT BỔ SUNG  
THEO THÔNG TƯ SỐ 43/2013/TT-BYT NGÀY 11.12.2013  
VÀ THÔNG TƯ 21/2017/TT-BYT NGÀY 10.5.2017**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 949 /SYT ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Giám đốc Sở Y tế về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật chuyên môn)*

| STT<br>DMKT<br>TT43, 21<br>BYT | Tên kỹ thuật                                                | Kỹ<br>thuật<br>tuyển<br>TW | Thực<br>hiện |
|--------------------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------|
| <b>X</b>                       | <b>NGOẠI KHOA</b>                                           |                            |              |
|                                | 7. Tăng sinh môn                                            |                            |              |
| 75                             | 559 Phẫu thuật điều trị dò hậu môn cắt cơ thắt trên chi chò | x                          | x            |
| <b>XVIII</b>                   | <b>ĐIỆN QUANG</b>                                           |                            |              |
|                                | A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN                                        |                            |              |
| 01                             | 5 Siêu âm đàn hồi nhu mô tuyến giáp                         | x                          | x            |
| 02                             | 56 Siêu âm đàn hồi mô vú                                    | x                          | x            |
| <b>XXIII</b>                   | <b>HÓA SINH</b>                                             |                            |              |
| 06                             | 2 Định lượng ACTH (Adrenocorticotrophic hormone)            | x                          | x            |
| 07                             | 57 Định lượng Digitoxin                                     | x                          | x            |
| 08                             | 62 Định lượng E3 không liên hợp (Unconjugated Estriol)      | x                          | x            |
| 09                             | 85 Định lượng HE4                                           | x                          | x            |
| 10                             | 89 Định lượng IL-6 ( Interleukin 6)                         | x                          | x            |
| 11                             | 123 Định lượng PAPP-A                                       | x                          | x            |
| 12                             | 144 Định lượng SCC (Squamous cell carcinoma antigen)        | x                          | x            |
| 13                             | 200 Điện di Protein nước tiểu (máy tự động)                 | x                          | x            |

**Tổng cộng: 11 kỹ thuật**

**Phụ lục 2**  
**DANH MỤC KỸ THUẬT TUYỂN TỈNH PHÊ DUYỆT BỔ SUNG**  
**THEO THÔNG TƯ SỐ 43/2013/TT-BYT NGÀY 11.12.2013**  
**VÀ THÔNG TƯ 21/2017/TT-BYT NGÀY 10.5.2017**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 949 /SYT ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Giám đốc Sở Y tế về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật chuyên môn)

| STT<br>DMKT<br>TT43, 21<br>BYT | STT<br>DMKT<br>TT43, 21<br>BYT | Tên kỹ thuật                                                                                                                                               | Kỹ<br>thuật<br>tuyển<br>tỉnh | Thực<br>hiện |
|--------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|--------------|
|                                | <b>I.</b>                      | <b>I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC</b>                                                                                                                     |                              |              |
| 118                            | 85                             | Vận động trị liệu hô hấp                                                                                                                                   | x                            | x            |
| 119                            | 305                            | Chăm sóc bệnh nhân thở máy                                                                                                                                 | x                            | x            |
| 120                            | 307                            | Lấy bệnh phẩm dịch phế quản xét nghiệm của bệnh nhân cúm ở khoa hồi sức cấp cứu và chống độc                                                               | x                            | x            |
| 121                            | 309                            | Vệ sinh khử khuẩn máy thở                                                                                                                                  | x                            | x            |
| 122                            | 310                            | Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống nội khí quản, mở khí quản bằng ống hút thường để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy                                        | x                            | x            |
| 123                            |                                | Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng dưới hướng dẫn của siêu âm                                                                                       | x                            | x            |
| 124                            | 317                            |                                                                                                                                                            |                              |              |
| 124                            | 320                            | Rút catheter tĩnh mạch trung tâm                                                                                                                           | x                            | x            |
| 125                            |                                | Khai thông động mạch vành bằng sử dụng thuốc tiêu sợi huyết trong điều trị nhồi máu cơ tim cấp                                                             | x                            | x            |
| 126                            | 322                            |                                                                                                                                                            |                              |              |
| 126                            | 323                            | Chăm sóc catheter tĩnh mạch trung tâm                                                                                                                      | x                            | x            |
| 127                            | 337                            | Lọc máu cấp cứu ở bệnh nhân có mở thông động tĩnh mạch (FAV)                                                                                               | x                            | x            |
| 128                            | 357                            | Chọc tháo dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong khoa hồi sức cấp cứu                                                                                | x                            | x            |
| 129                            | 362                            | Cấp cứu ngừng tuần hoàn cho bệnh nhân ngộ độc                                                                                                              | x                            | x            |
| 130                            | 363                            | Điều trị giảm nồng độ canxi máu                                                                                                                            | x                            | x            |
| 131                            | 364                            | Điều trị thải độc bằng phương pháp tăng cường bài niệu                                                                                                     | x                            | x            |
| 132                            | 366                            | Điều trị ngộ độc cấp ma túy nhóm opi                                                                                                                       | x                            | x            |
| 133                            | 367                            | Tư vấn cho bệnh nhân ngộ độc                                                                                                                               | x                            | x            |
| 134                            | 369                            | Xét nghiệm định tính một chỉ tiêu ma túy trong nước tiểu                                                                                                   | x                            | x            |
| 135                            | 377                            | Định lượng methanol bằng máy sắc ký khí khối phổ                                                                                                           | x                            | x            |
| 136                            | 378                            | Định lượng ethanol bằng máy sắc ký khí khối phổ                                                                                                            | x                            | x            |
| 137                            | 380                            | Sử dụng thuốc giải độc trong ngộ độc cấp (chưa kể tiền thuốc)                                                                                              | x                            | x            |
| 138                            | 381                            | Giải độc ngộ độc rượu methanol và ethylene glycol                                                                                                          | x                            | x            |
|                                | <b>II</b>                      | <b>NỘI KHOA</b>                                                                                                                                            |                              |              |
| 62                             | 68                             | Vận động trị liệu hô hấp                                                                                                                                   | x                            | x            |
| 63                             | 120                            | Sốc điện điều trị rung nhĩ                                                                                                                                 | x                            | x            |
| 64                             | 209                            | Lọc máu bằng kỹ thuật thẩm tách siêu lọc dịch bù trực tiếp từ dịch lọc (Hemodiafiltration Online: HDF-Online) (Hoặc: Thẩm tách siêu lọc máu (HDF- Online)) | x                            | x            |
| 65                             | 432                            | Chọc hút màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu                                                                                                   | x                            | x            |

|     |            |                                                                             |   |   |
|-----|------------|-----------------------------------------------------------------------------|---|---|
|     |            | âm                                                                          |   |   |
| 66  | 480        | Rút catheter tĩnh mạch trung tâm chạy thận nhân tạo cấp cứu                 | x | x |
| 67  | 481        | Rút catheter tĩnh mạch đùi chạy thận nhân tạo cấp cứu                       | x | x |
| 68  | 495        | Thận nhân tạo chu kỳ (Quả lọc, dây máu 06 lần)                              | x | x |
| 69  | 496        | Thận nhân tạo cấp cứu (Quả lọc, dây máu 01 lần)                             | x | x |
| 70  | 497        | Phối hợp thận nhân tạo (HD) và hấp thụ máu (HP) bằng quả hấp phụ máu HA 130 | x | x |
| 71  | 498        | Đặt catheter một nòng hoặc hai nòng tĩnh mạch đùi để lọc máu                | x | x |
| 72  | 508        | Thay băng vết loét do vỡ hạt tophoy                                         | x | x |
| 73  | 514        | Lấy xét nghiệm tế bào học dịch khớp                                         | x | x |
| 74  | 515        | Lấy dịch khớp xác định tinh thể urat                                        | x | x |
| 75  | 590        | Test nội bì nhanh đặc hiệu với thuốc                                        | x | x |
| 76  | 591        | Test nội bì nhanh đặc hiệu với Vacxin, huyết thanh                          | x | x |
| 77  | 613        | Do phế dung kế - Spirometry (FVC, SVC, TLC)                                 | x | x |
| 78  | 614        | Do dung tích sống gắng sức - FVC                                            | x | x |
| 79  | 615        | Do dung tích sống chậm - SVC                                                | x | x |
| 80  | 617        | Do áp suất tối đa hít vào/thở ra - MIP / MEP                                | x | x |
| 81  | 619        | Do các thể tích phổi - Lung Volumes                                         | x | x |
| 82  | 628        | Theo dõi và chăm sóc người bệnh sốc phản vệ 72 giờ đầu                      | x | x |
| 83  | 629        | Chăm sóc răng miệng cho người bệnh Stevens -Johnson                         | x | x |
| 84  | 630        | Chăm sóc răng miệng cho người bệnh Lyell                                    | x | x |
| 85  | 631        | Chăm sóc vệ sinh da cho người bệnh Stevens -Johnson                         | x | x |
| 86  | 632        | Chăm sóc vệ sinh da cho người bệnh Lyell                                    | x | x |
| 87  | 633        | Vệ sinh vùng hậu môn sinh dục cho người bệnh Stevens - Johnson              | x | x |
| 88  | 634        | Vệ sinh vùng hậu môn sinh dục cho người bệnh Lyell                          | x | x |
| 89  | 639        | Nuôi dưỡng người bệnh Stevens - Johnson qua đường tĩnh mạch                 | x | x |
| 90  | 640        | Nuôi dưỡng người bệnh Lyell qua đường tĩnh mạch                             | x | x |
| 91  | 641        | Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình hít định liều                             | x | x |
| 92  | 642        | Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình xịt định liều                             | x | x |
| 93  | 643        | Tập ho có hiệu quả cho người bệnh Hen phế quản                              | x | x |
| 94  | 644        | Tập ho có hiệu quả cho người bệnh Luput ban đỏ hệ thống                     | x | x |
| 95  | 645        | Tập ho có hiệu quả cho người bệnh Xơ cứng bì                                | x | x |
| 96  | 646        | Vỗ rung cho người bệnh Hen phế quản                                         | x | x |
| 97  | 647        | Vỗ rung cho người bệnh Lupus ban đỏ hệ thống                                | x | x |
| 98  | 648        | Vỗ rung cho người bệnh xơ cứng bì                                           | x | x |
| 99  | 649        | Tập vận động cho người bệnh xơ cứng bì                                      | x | x |
| 100 | 650        | Xoa bóp cho người bệnh xơ cứng bì                                           | x | x |
| 101 | 653        | Chăm sóc da cho người bệnh dị ứng thuốc nặng                                | x | x |
|     | <b>III</b> | <b>NHI KHOA</b>                                                             |   |   |
|     |            | <b>3. Y HỌC CỔ TRUYỀN</b>                                                   |   |   |
|     |            | <b>A. KỸ THUẬT CHUNG</b>                                                    |   |   |
| 832 | 274        | Kéo nắn cột sống cổ                                                         |   |   |
| 833 | 275        | Kéo nắn cột sống thắt lưng                                                  | x | x |
| 834 | 276        | Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy                                  | x | x |
|     |            | <b>D. ĐIỆN CHÂM</b>                                                         | x | x |
| 835 | 461        | Điện châm điều trị di chứng bại liệt                                        |   |   |
|     |            |                                                                             | x | x |

|     |      |                                                                        |   |   |
|-----|------|------------------------------------------------------------------------|---|---|
| 836 | 465  | Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ                                 | x | x |
| 837 | 466  | Điện châm điều trị teo cơ                                              | x | x |
| 838 | 468  | Điện châm điều trị bại não                                             | x | x |
| 839 | 483  | Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V                          | x | x |
| 840 | 484  | Điện châm điều trị liệt dây thần kinh V2 ngoại biên                    | x | x |
| 841 | 512  | Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não            | x | x |
| 842 | 513  | Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống                 | x | x |
| 843 | 517  | Điện châm điều trị giảm đau do Zona                                    | x | x |
| 844 | 522  | Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn                         | x | x |
|     |      | <b>E. THUY CHÂM</b>                                                    |   |   |
| 845 | 533  | Thủy châm điều trị liệt chi trên                                       | x | x |
| 846 | 534  | Thủy châm điều trị liệt chi dưới                                       | x | x |
| 847 | 535  | Thủy châm điều trị liệt nửa người                                      | x | x |
| 848 | 538  | Thủy châm điều trị đau thần kinh tọa                                   | x | x |
| 849 | 555  | Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh số V2 ngoại biên                 | x | x |
|     |      | <b>G. XOA BÓP BẮM HUYẾT</b>                                            |   |   |
| 850 | 617  | Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt các dây thần kinh                      | x | x |
| 851 | 618  | Xoa bóp bấm huyết điều trị teo cơ                                      | x | x |
| 852 | 629  | Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương dây thần kinh V                  | x | x |
| 853 | 630  | Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số V2 ngoại biên         | x | x |
| 854 | 642  | Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thần kinh liên sườn                     | x | x |
| 855 | 664  | Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống         | x | x |
|     |      | <b>H. CỨU</b>                                                          |   |   |
| 856 | 674  | Cứu điều trị liệt thần kinh V2 ngoại biên thể hàn                      | x | x |
| 857 | 676  | Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn                                       | x | x |
| 858 | 680  | Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn                                    | x | x |
|     |      | <b>XV2. TẠO HÌNH THẨM MỸ</b>                                           |   |   |
|     |      | <b>B. PHẪU THUẬT THẨM MỸ</b>                                           |   |   |
|     |      | <b>8. Sinh dục</b>                                                     |   |   |
| 859 | 2948 | Phẫu thuật tạo hình da dương vật trong mất da dương vật                | x | x |
|     |      | <b>XIX. NGOẠI KHOA</b>                                                 |   |   |
|     |      | <b>C. TIÊU HÓA-BỤNG</b>                                                |   |   |
| 860 | 3282 | Dẫn lưu áp xe dưới cơ hoành                                            | x | x |
| 861 | 3350 | Phẫu thuật áp xe hậu môn có lỗ mở rò                                   | x | x |
|     |      | <b>E. CHẤN THƯƠNG- CHỈNH HÌNH</b>                                      |   |   |
|     |      | <b>3. Cánh, cẳng tay</b>                                               |   |   |
| 862 | 3663 | Phẫu thuật gãy xương cánh tay kèm tổn thương thần kinh hoặc mạch máu   | x | x |
|     |      | <b>5. Hông -đùi</b>                                                    |   |   |
| 863 | 3727 | Kết hợp xương đỉnh nẹp 1 khối gãy liên mấu chuyển hoặc dưới mấu chuyển | x | x |
|     |      | <b>6. Khớp gối</b>                                                     | x | x |
| 864 | 3751 | Phẫu thuật thay lại dây chằng chéo trước khớp gối                      |   |   |
|     |      | <b>7. Cẳng chân</b>                                                    |   |   |

|     |              |                                                                            |   |   |
|-----|--------------|----------------------------------------------------------------------------|---|---|
| 865 | 3771         | Lấy u xương ghép xương tương tự thân hoặc ghép xương đồng loại như u xương | X | X |
|     |              | <b>10. Nắn bó bột</b>                                                      |   |   |
| 866 | 3830         | Nắn bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng                    | X | X |
|     |              | <b>D. BỤNG-TIÊU HÓA</b>                                                    |   |   |
| 867 | 4076         | Phẫu thuật nội soi thủng tạng rỗng trong chấn thương bụng                  | X | X |
| 868 | 4077         | Phẫu thuật nội soi tắc ruột do dây chằng                                   | X | X |
|     |              | <b>D. TIẾT NIỆU-SINH DỤC</b>                                               |   |   |
|     |              | 3. Bàng quang                                                              |   |   |
| 869 | 4117         | Nội soi bàng quang chẩn đoán                                               | X | X |
|     |              | <b>XXIII. GÂY MÊ HỒI SỨC</b>                                               |   |   |
| 870 | 4184         | Gây mê thay băng bỏng                                                      | X | X |
|     |              | <b>XXIV. NỘI KHOA</b>                                                      |   |   |
|     |              | 1. Tim mạch-hô hấp                                                         |   |   |
| 871 | 4191         | Theo dõi tim thai                                                          | X | X |
|     |              | K. Dự ứng-miễn dịch lâm sàng                                               |   |   |
| 872 | 4197         | Test lấy da với vacxin                                                     | X | X |
| 873 | 4198         | Test dưới da với thuốc                                                     | X | X |
| 874 | 4199         | Test dưới da với vacxin                                                    | X | X |
|     |              | <b>XXVIII. NGOẠI KHOA</b>                                                  |   |   |
| 875 | 4246         | Thảo bột các loại                                                          | X | X |
|     |              | <b>XXIX. ĐIỆN QUANG</b>                                                    |   |   |
| 876 | 4248         | Siêu âm tim Doppler                                                        | X | X |
| 877 | 4249         | Siêu âm tim Doppler tại giường                                             | X | X |
| 878 | 4252         | Siêu âm tim thai qua thành bụng                                            | X | X |
|     | <b>VIII.</b> | <b>Y HỌC CỔ TRUYỀN</b>                                                     |   |   |
|     |              | D. CÂY CHỈ                                                                 |   |   |
| 65  | 241          | Cây chỉ điều trị hội chứng thất lưng- hông                                 | X | X |
|     |              | E. ĐIỆN CHÂM                                                               |   |   |
| 66  | 285          | Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt                     | X | X |
| 67  | 292          | Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện                                      | X | X |
| 68  | 293          | Điện châm điều trị bí đại cơ năng                                          | X | X |
| 69  | 297          | Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não     | X | X |
| 70  | 307          | Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông                                  | X | X |
| 71  | 310          | Điện châm điều trị viêm mũi xoang                                          | X | X |
|     |              | <b>L. KỸ THUẬT CHUNG</b>                                                   |   |   |
| 72  | 483          | Xoa bóp bấm huyệt bằng tay                                                 | X | X |
| 73  | 484          | Xoa bóp bấm huyệt bằng máy                                                 | X | X |
| 74  | 485          | Giác hơi                                                                   | X | X |
| 75  | 486          | Nắn bó trật khớp bằng phương pháp YHCT                                     | X | X |

|     |       |                                                                       |   |   |
|-----|-------|-----------------------------------------------------------------------|---|---|
|     | X.    | X. NGOẠI KHOA                                                         |   |   |
|     |       | <b>C. Phẫu thuật tiết niệu</b>                                        |   |   |
|     |       | 3. Bàn quang                                                          |   |   |
| 404 | 342   | Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang                       | x | x |
|     |       | <b>D. Gan – Mật – Tụy</b>                                             |   |   |
|     |       | 1. Gan                                                                |   |   |
| 405 | 606   | Lấy bỏ u gan                                                          | x | x |
|     | XI.   | <b>XI. BÓNG</b>                                                       |   |   |
| 57  | 159   | Cắt lọc hoại tử ổ loét vết thương mạn tính                            | x | x |
| 58  | 160   | Phẫu thuật chuyển vạt da tại chỗ điều trị vết thương mạn tính         | x | x |
| 59  | 161   | Phẫu thuật cắt đáy ổ loét mạn tính, khâu kín                          | x | x |
| 60  | 162   | Phẫu thuật ghép da mảnh điều trị vết thương mạn tính                  | x | x |
| 61  | 166   | Kỹ thuật tạo vạt da có cuống mạch liên điều trị vết thương mạn tính   | x | x |
| 62  | 171   | Điều trị vết thương mạn tính bằng đèn hồng ngoại                      | x | x |
| 63  | 176   | Kỹ thuật xoay chuyển bệnh nhân dự phòng loét tỷ đè                    | x | x |
| 64  | 178   | Kỹ thuật bơm rửa liên tục trong điều trị vết thương mạn tính phức tạp | x | x |
|     | XIV   | <b>XIV. MẮT</b>                                                       |   |   |
| 104 | 288   | Test lấy bì                                                           | x | x |
| 105 | 289   | Test nội bì                                                           | x | x |
| 106 | 290   | Tiêm trong da; tiêm dưới da; tiêm bắp thịt                            | x | x |
| 107 | 291   | Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch                                      | x | x |
|     | XV    | <b>TAI MŨI HỌNG</b>                                                   |   |   |
| 128 | 232   | Nội soi thực quản ống cứng chẩn đoán gây tê/gây mê                    | x | x |
| 129 | 233   | Nội soi thực quản ống mềm chẩn đoán gây tê/gây mê                     | x | x |
| 130 | 361   | Phẫu thuật cắt u vùng họng miệng                                      | x | x |
| 131 | 367   | Nội soi đường hô hấp và tiêu hóa trên                                 | x | x |
| 132 | 368   | Trích áp xe vùng đầu cổ                                               | x | x |
|     | XVI   | <b>RĂNG HÀM MẶT</b>                                                   |   |   |
| 86  | 348   | Phẫu thuật tháo nẹp, vít                                              | x | x |
|     | XVII. | <b>XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG</b>                                       |   |   |
| 75  | 159   | Điều trị bằng Laser công suất thấp vào điểm vận động và huyết đạo     | x | x |
| 76  | 163   | Thủy trị liệu cho người bệnh sau bóng                                 | x | x |
| 77  | 167   | Tập vận động cột sống                                                 | x | x |
| 78  | 168   | Kỹ thuật xoa bóp bằng máy                                             | x | x |
| 79  | 175   | Kỹ thuật kéo giãn cho trẻ em bị vẹo cổ bẩm sinh                       | x | x |
| 80  | 181   | Kỹ thuật ngồi/dứng dậy từ sàn nhà                                     | x | x |

|     |               |                                                                                                  |   |   |
|-----|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|
|     |               |                                                                                                  | x | x |
| 81  | 184           | Kỹ thuật thư giãn                                                                                | x | x |
| 82  | 185           | Kỹ thuật tập sức mạnh cơ bằng phản hồi sinh học (Biofeedback)                                    | x | x |
| 83  | 188           | Kỹ thuật tập bắt buộc bên liệt (CIMT)                                                            | x | x |
| 84  | 189           | Kỹ thuật gương trị liệu (Mirror therapy)                                                         | x | x |
| 85  | 219           | Chăm sóc điều trị loét do đè ép độ I, độ II                                                      |   |   |
|     |               | <b>N. Các kỹ thuật khác (TTLT37)</b>                                                             | x | x |
| 86  | 249           | Kéo nắn, kéo dẫn cột sống, các khớp                                                              | x | x |
| 87  | 250           | Tập do cứng khớp                                                                                 | x | x |
| 88  | 251           | Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp                                                            |   |   |
|     | <b>XVIII.</b> | <b>XVIII. ĐIỆN QUANG</b>                                                                         |   |   |
|     |               |                                                                                                  | x | x |
| 202 | 703           | Siêu âm tại giường                                                                               |   |   |
|     | <b>XX</b>     | <b>XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN CAN THIỆP</b>                                                           |   |   |
|     |               |                                                                                                  | x | x |
| 10  | 5             | Nội soi hạ họng - thanh quản ống mềm chẩn đoán                                                   | x | x |
| 11  | 10            | Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán                                                             | x | x |
| 12  | 32            | Nội soi khí - phế quản ống cứng lấy dị vật                                                       | x | x |
| 13  | 33            | Nội soi khí - phế quản ống mềm qua ống nội khí quản                                              |   |   |
|     |               | <b>D. TIÊU HÓA- BỤNG</b>                                                                         |   |   |
| 14  | 70            | Nội soi đại tràng-lấy dị vật                                                                     | x | x |
| 15  | 71            | Nội soi đại tràng tiêm cầm máu                                                                   | x | x |
| 16  | 72            | Nội soi trực tràng-hậu môn thất trĩ                                                              | x | x |
| 17  | 81            | Nội soi đại tràng sigma                                                                          | x | x |
| 18  | 82            | Soi trực tràng                                                                                   |   |   |
|     |               | <b>E. TIẾT NIỆU</b>                                                                              |   |   |
| 19  | 85            | Lấy sỏi niệu quản qua nội soi                                                                    | x | x |
| 20  | 86            | Soi bàng quang                                                                                   | x | x |
| 21  | 87            | Soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi                                                                  | x | x |
|     |               | <b>H. PHỤ SẢN</b>                                                                                |   |   |
| 22  | 98            | Nội soi buồng tử cung chẩn đoán                                                                  | x | x |
| 23  | 99            | Nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai                                                            | x | x |
| 24  | 100           | Nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung                                                   | x | x |
| 25  | 107           | Nội soi bàng quang có can thiệp                                                                  | x | x |
|     | <b>XXII</b>   | <b>HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU</b>                                                                      |   |   |
| 75  | 120           | Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trừ)                                       | x | x |
| 76  | 352           | Điện di huyết sắc tố                                                                             | x | x |
| 77  | 461           | Xét nghiệm sàng lọc giang mai đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật ELISA | x | x |
|     | <b>XXIII</b>  | <b>HÓA SINH</b>                                                                                  |   |   |
| 90  | 32            | Định lượng CA 125 (cancer antigen 125)                                                           | x | x |
| 91  | 33            | Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9)                                                 | x | x |
| 92  | 34            | Định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3)                                                      | x | x |

|     |              |                                                                       |   |   |
|-----|--------------|-----------------------------------------------------------------------|---|---|
| 93  | 35           | Định lượng CA 72 - 4 (Cancer Antigen 72- 4)                           | X | X |
| 94  | 52           | Định lượng Cylfra 21- 1                                               | X | X |
| 95  | 67           | Định lượng Folate                                                     | X | X |
| 96  | 72           | Đo hoạt độ G6PD (Glucose -6 phosphat dehydrogenase)                   | X | X |
| 97  | 104          | Định lượng lactat (Acid Lactic)                                       | X | X |
| 98  | 120          | Định lượng NSE (Neuron Specific Enolase)                              | X | X |
| 99  | 160          | Định lượng Troponin T                                                 | X | X |
| 100 | 169          | Định lượng Vitamin B12                                                | X | X |
| 101 | 228          | Định lượng CRP                                                        | X | X |
|     | <b>XXIV.</b> | <b>VI SINH</b>                                                        |   |   |
| 75  | 5            | Vi khuẩn nuôi cấy, định danh và kháng thuốc hệ thống tự động          | X | X |
| 76  | 120          | HBsAg kháng định                                                      | X | X |
| 77  | 294          | <i>Strongyloides stercoralis</i> (Giun lươn) Ab miễn dịch bán tự động | X | X |
| 78  | 295          | <i>Strongyloides stercoralis</i> (Giun lươn) Ab miễn dịch tự động     | X | X |
| 79  | 324          | Vi nấm nuôi cấy, định danh và kháng thuốc hệ thống tự động            | X | X |
| 80  | 356          | Ký sinh trùng test nhanh                                              | X | X |

**Tổng cộng: 190 kỹ thuật**